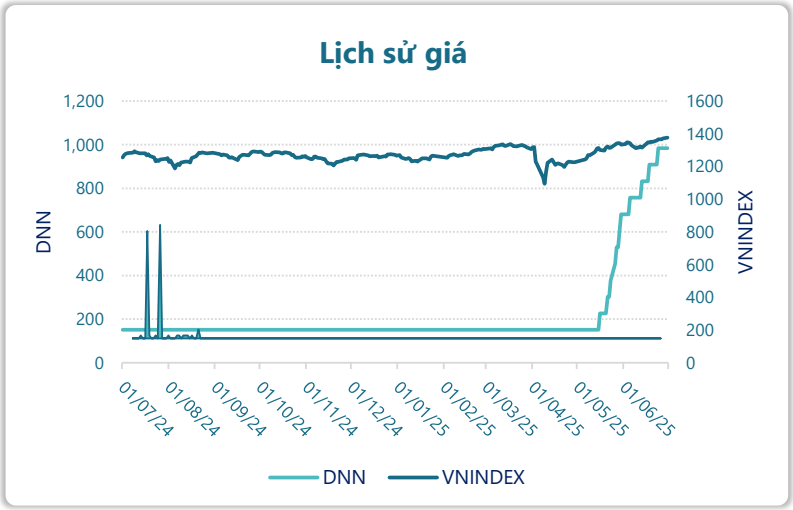
FireAnt

CTCP Cấp nước Đà Nẵng (UPCOM: DNN)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	984
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	151
SL cổ phiếu LH	57,964,061
KLGD BQ 20 phiên (CP)	390
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	75
P/E	0.5
EPS	2,444

DT thuần

Q2/25

202

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.0| 25.5%

YoY: ▲ 35.0| 21.0%

LN sau thuế

Q2/25

62.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.4| 73.4%

YoY: ▲ 37.9| 155%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

40.4%

+/- YoY: ▲ 20.2%

DT thuần

6T 2025

363

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 54.0| 17.3%

LN sau thuế

6T 2025

98.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 46.9| 91.4%

ROE

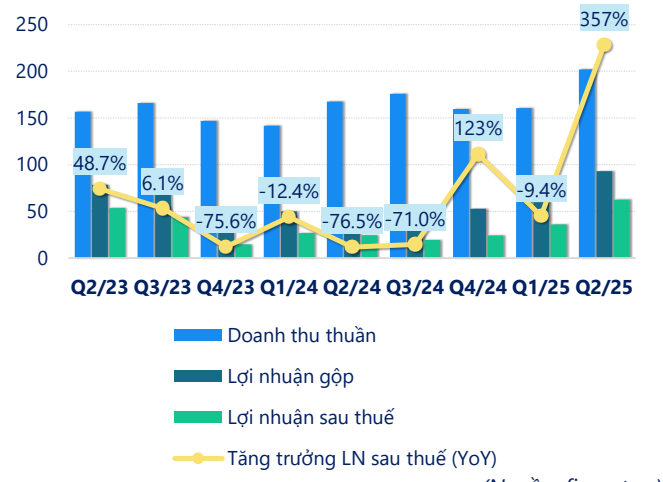
Q2/25

17.8%

+/- YoY: ▼ 4.3%

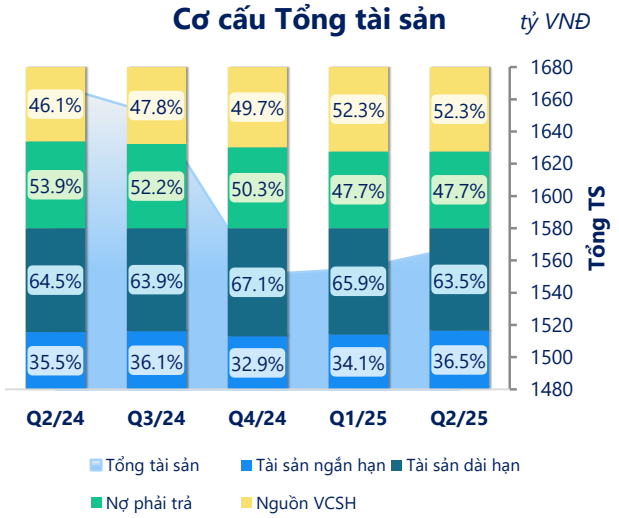
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



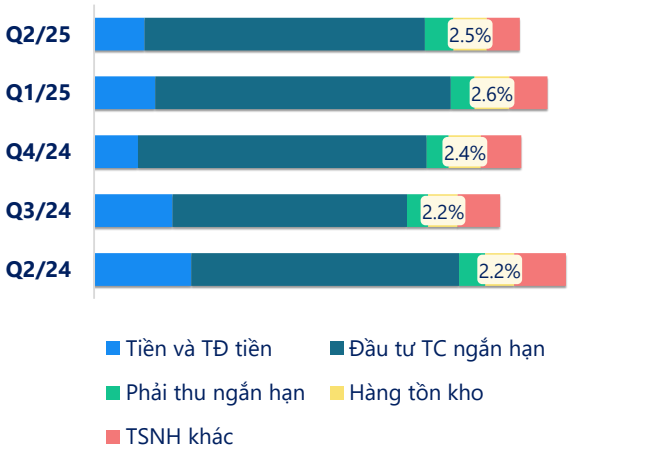
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



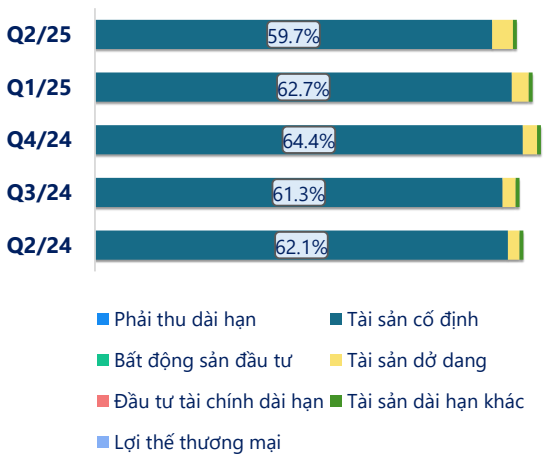
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



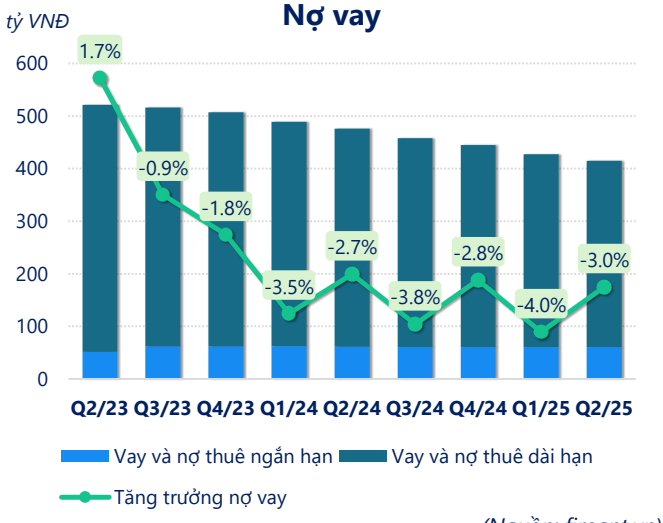
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



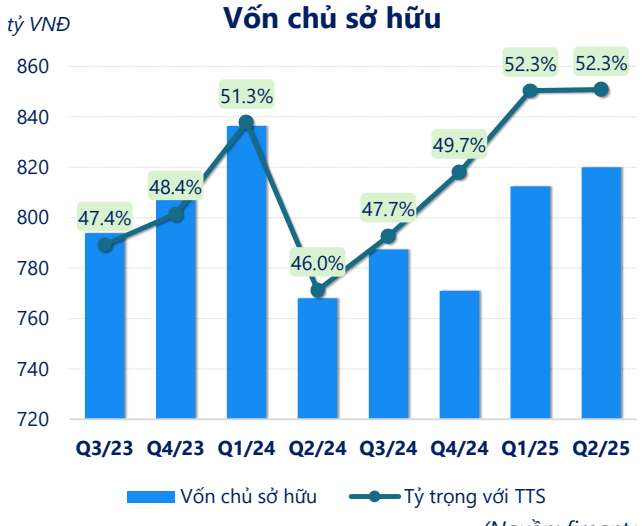
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



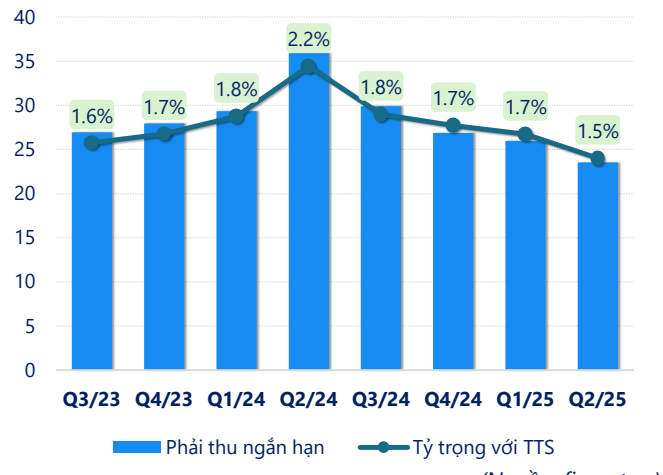
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



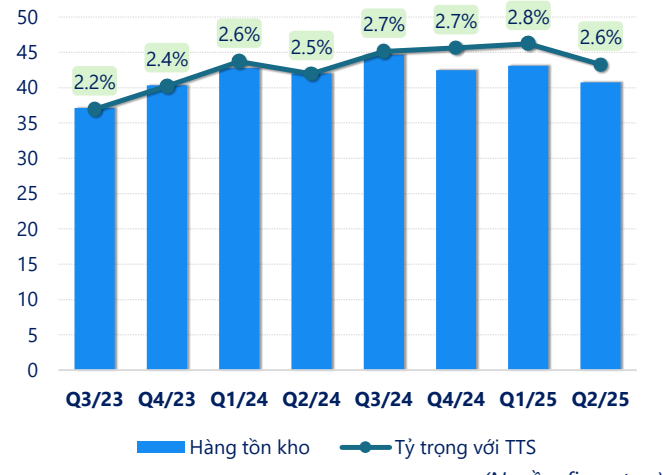
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



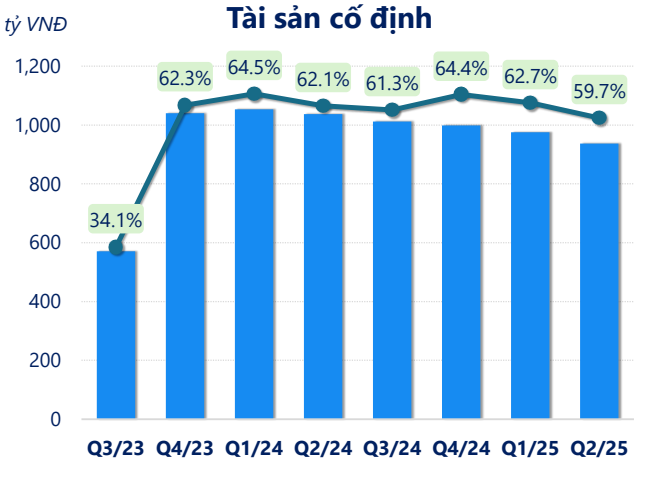
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



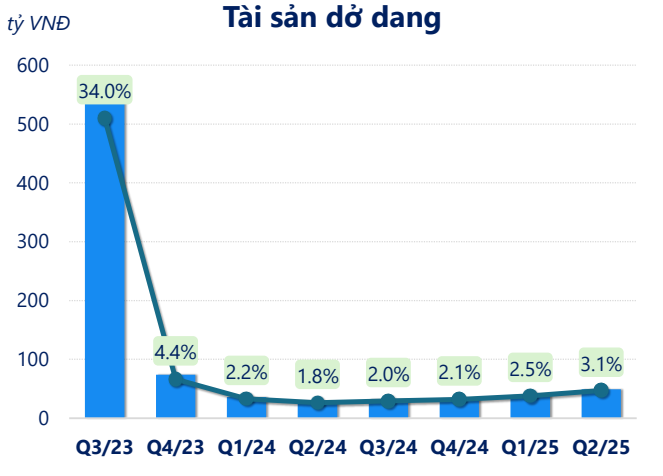
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



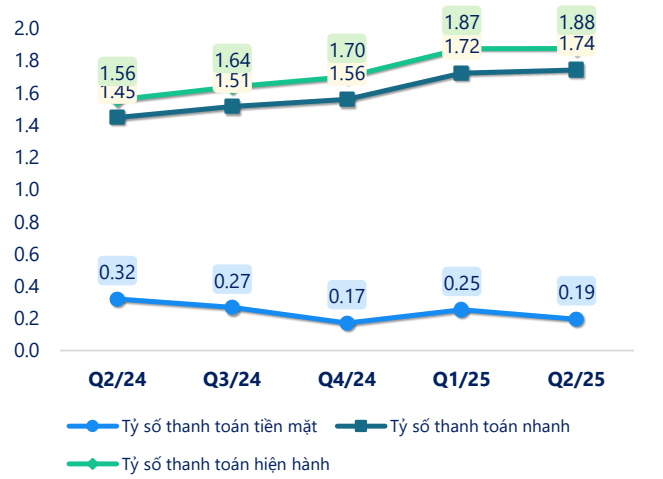
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



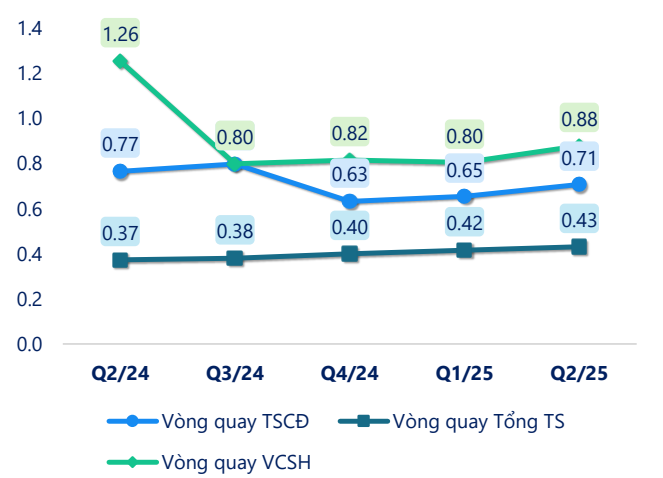
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,669**	**1,650**	**1,551**	**1,555**	**1,568**
Tài sản ngắn hạn	**593**	**597**	**510**	**531**	**573**
Tiền và tương đương tiền	122	97.3	51.1	71.6	59.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	352	391	361	371	438
Phải thu ngắn hạn	35.9	29.9	26.9	26.0	23.5
Hàng tồn kho	42.0	44.7	42.5	43.1	40.7
Tài sản ngắn hạn khác	41.4	33.7	28.2	18.7	10.6
Tài sản dài hạn	**1,076**	**1,054**	**1,041**	**1,024**	**996**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,037	1,012	998	975	937
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	29.4	32.4	33.2	39.6	49.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.41	9.24	9.48	9.35	9.60
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**900**	**862**	**780**	**742**	**748**
Nợ ngắn hạn	**381**	**364**	**300**	**283**	**305**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	61.1	60.7	60.5	60.4	60.4
Phải trả người bán ngắn hạn	41.3	35.4	34.0	32.1	40.1
Nợ dài hạn	519	498	480	459	443
Vay và nợ thuê dài hạn	415	397	385	367	354
Nguồn vốn chủ sở hữu	**769**	**788**	**772**	**813**	**820**
Vốn chủ sở hữu	**768**	**787**	**771**	**812**	**820**
Vốn điều lệ	580	580	580	580	580
Kinh phí và quỹ khác	0.82	0.82	0.58	0.58	0.58

(Nguồn: fireant.vn)